

Số: 5570/QĐ-CAT-PC06

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước; lĩnh vực định danh và xác thực điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Lạng Sơn

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH

Căn cứ Luật Căn cước số 26/2023/QH15, ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị quyết 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP, ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Nghị định số 70/2024/NĐ-CP, ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP/NĐ-CP, ngày 18/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 5709/QĐ-BCA-C06, ngày 01/7/2025 của Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an;

Căn cứ Quyết định số 5710/QĐ-BCA-C06, ngày 01/7/2025 của Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng phòng PC06 tại Báo cáo đề xuất số 27/BCĐX-PC06, ngày 10/7/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này:

- 15 thủ tục hành chính mới ban hành, 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ 16 thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Lạng Sơn;

- 01 thủ tục hành chính mới ban hành, 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ 06 thủ tục hành chính trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Lạng Sơn.

(Có danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính và các biểu mẫu là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Các Phòng PV01, PC06 thường xuyên rà soát, cập nhật, công khai kịp thời các nội dung liên quan đến thủ tục hành chính khi có sự thay đổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Đồng chí Trưởng phòng PV01, PC06, Trưởng Công an cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- V03, C06 – Bộ Công an (Báo cáo);
- Đ/c Giám đốc CAT (Báo cáo);
- Các đ/c Phó Giám đốc CAT (P/h chỉ đạo);
- Như Điều 4 (Thực hiện);
- Lưu: VT, PC06 (Đội 1).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thượng tá Nguyễn Hữu Đức

PHỤ LỤC I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Các thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ
trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước thuộc thẩm quyền giải quyết
của Công an tỉnh Lạng Sơn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5570/QĐ-CAT-PC06
Ngày 11/7/2025 của Công an tỉnh Lạng Sơn)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính mới ban hành	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch	- Luật Căn cước năm 2023. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
2	Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước.	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
B. Thủ tục hành chính cấp xã				
1	Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
2	Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
3	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
4	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước

		- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.		
5	Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
6	Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
7	Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
8	Cấp đổi thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
9	Cấp lại thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
10	Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn

	định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước	22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.		cước
11	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
12	Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
13	Cấp lại giấy chứng nhận căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước

2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	2.000200	Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
2	1.012549	Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
3	1.012546	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
4	1.012547	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày	Phòng Cảnh sát quản lý	Cấp, quản lý căn

		về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội	hành chính về trật tự xã hội	cước
5	1.012548	Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
6	2.001196	Cấp đổi thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
7	2.001194	Cấp lại thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội - Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
8	1.012550	Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
9	1.012551	Cấp lại giấy chứng nhận căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước

3. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
A. Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	1.012552	Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước

		quốc gia về dân cư			
2	1.012553	Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
3	1.012554	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
4	1.012555	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
5	1.012556	Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
6	1.012557	Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
7	1.012560	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
8	1.012559	Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
9	1.012561	Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
10	1.012562	Cấp lại giấy chứng nhận căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
11	1.010099	Khai thác thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
12	1.010100	Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước

		căn cước			
13	2.001177	Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
14	2.000408	Cấp đổi thẻ căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
15	2.000377	Cấp lại thẻ căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
16	2.000677	Cấp xác nhận số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh đề nghị điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác minh tính pháp lý, tính chính xác của các thông tin trước khi điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Trường hợp từ chối điều chỉnh thông tin thì phải trả lời, nêu rõ lý do và cấp thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 3: Trường hợp đủ điều kiện giải quyết thì cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: không quá 05 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có nhu cầu điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

1.8. Lệ phí: Không thu lệ phí

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

2. Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh nơi đang cư trú để thực hiện thủ tục.

Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch tiến hành kê khai thông tin theo mẫu Phiếu thu thập thông tin dân cư và cung cấp các giấy tờ, tài liệu khác liên quan đến bản thân và gia đình (nếu có).

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tiếp nhận thông tin kê khai của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch và thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh móng mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, móng mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 3: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước; Phiếu thu thập thông tin dân cư chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 4: Cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh thông tin về người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã kê khai.

- Bước 5: Cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh chuyển thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch tới cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để kiểm tra, đối sánh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để thực hiện xác lập số định danh cá nhân và cấp giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện thu thập, cập nhật thông tin dân cư, cấp giấy chứng nhận căn cước thì từ thông báo cho người đó và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an);

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày (không tính thời gian kiểm tra, xác minh thông tin về người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã kê khai để thu thập thông tin dân cư).

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Giấy chứng nhận căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

2.8. Lệ phí: Không thu lệ phí

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an);

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có thời gian sinh sống tại địa bàn từ 06 tháng trở lên.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thủ tục: Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy hẹn trả kết quả (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an)

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

Bước 4: Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận văn bản trả lời tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp xã, Bộ phận một cửa cấp xã (nếu đã triển khai), văn bản điện tử hoặc chuyển phát đến địa chỉ theo yêu cầu.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

- Nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Ứng dụng định danh quốc gia.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, phạm vi thông tin cần khai thác trong Cơ sở dữ liệu căn cước và cam đoan về việc chịu trách nhiệm trong sử dụng thông tin khi được khai thác.

- Xuất trình giấy tờ, tài liệu, thông tin hợp lệ chứng minh thông tin người đến nộp hồ sơ.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024.

- Cá nhân quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phiếu cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước (Mẫu DC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

1.8. Phí: Chưa quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 17, Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ được khai thác thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu căn cước để phục vụ hoạt động xác thực điện tử, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số khi được công dân đó đồng ý.

- Trường hợp khai thác thông tin của người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 14 tuổi, người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý căn cước và một trong những người đại diện hợp pháp, người thừa kế theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 16 Luật Căn cước.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

2. Thủ tục: Khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước.

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an.

Bước 4: Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận văn bản trả lời của Công an cấp xã, văn bản điện tử hoặc dịch vụ bưu chính phát đến địa chỉ theo yêu cầu (nếu có).

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, phạm vi thông tin cần cung cấp, cam đoan chịu trách nhiệm trong sử dụng nội dung thông tin khi được cung cấp.

- Xuất trình giấy tờ, tài liệu, thông tin hợp lệ chứng minh thông tin người đến nộp hồ sơ.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong cơ sở dữ liệu căn cước.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phiếu cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước (văn bản giấy hoặc văn bản điện tử) (Mẫu DC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

2.8. Phí: Chưa quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 17, Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ được khai thác thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu căn cước để phục vụ hoạt động xác thực điện tử, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số khi được người đó đồng ý.

- Trường hợp khai thác thông tin của người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 14 tuổi, người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý căn cước và một trong những người đại diện hợp pháp, người thừa kế theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 16 Luật Căn cước.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước

- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

3. Thủ tục: Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

(Lưu ý: Lộ trình thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về ADN của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị của công dân, Công an cấp xã có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối sánh và xác thực đảm bảo tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước;

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về ADN của công dân chưa có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì Công an cấp xã thông báo cho công dân bằng văn bản, nêu rõ lý do và hướng dẫn công dân thực hiện thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã.
- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục.
- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).
- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả xét nghiệm, phân tích, lưu trữ thông tin sinh trắc học về ADN của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước (nếu có).
- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

3.8. Lệ phí: Chưa quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin sinh trắc học về ADN của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

4. Thủ tục: Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

(Lưu ý: Lộ trình thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về giọng nói của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị Định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị của công dân, Công an cấp xã có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối sánh và xác thực đảm bảo tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Trường hợp thông tin giọng nói của công dân chưa có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị Định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì Công an cấp xã thực hiện trực tiếp thu thập thông tin sinh trắc học về giọng nói để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã.
- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục.
- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).
- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả thu nhận, phân tích, lưu trữ giọng nói của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước (nếu có).
- Văn bản cam kết bảo đảm sức khỏe bình thường không ảnh hưởng đến giọng nói đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 7 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.8. Lệ phí: Chưa quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công dân cam kết tình trạng giọng nói bình thường, không bị ảnh hưởng trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

5. Thủ tục: Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước

5.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

+ Công dân nộp hồ sơ tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

+ Công dân thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thông tin cần tích hợp, cập nhật, điều chỉnh đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và đăng ký thời gian với Công an cấp xã để thực hiện tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.

(Lưu ý: Lộ trình tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Chuyển yêu cầu tích hợp đến cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an kèm theo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước (Đối với trường hợp tích hợp thông tin trên thẻ căn cước khi thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước).

- Trường hợp thông tin đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thì Công an cấp xã thực hiện tiếp nhận và chuyển yêu cầu tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin tới cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để xác thực thông tin đề nghị tích hợp thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Sau khi xác thực thành công thì thực hiện tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin vào thẻ căn cước.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã.

- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục tại Công an cấp xã.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an)

- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục (đối với trường hợp tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước đã cấp).

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an) đối với trường hợp tích hợp thông tin trên thẻ căn cước khi thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.

5.8. Lệ phí: Chưa quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) đối với trường hợp thực hiện tích hợp cùng thời điểm với cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh phải được xác thực qua Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

6. Thủ tục: Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú (nếu đã triển khai) đề nghị cấp thẻ căn cước.

+ Công dân thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì đăng ký thời gian và địa điểm thực hiện thủ tục tại Công an cấp xã. Hệ thống sẽ xác nhận và tự động chuyển đề nghị của công dân đến Công an cấp xã nơi công dân đề nghị cấp thẻ căn cước;

(Lưu ý: Lộ trình cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Công dân cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Bước 3: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Cán bộ thu nhận đề nghị công dân xuất trình một trong các loại giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thông tin nhân thân và hướng dẫn thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp Căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh móng mắt của công dân.

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước, Phiếu thu thập thông tin dân cư (nếu có) chuyển cho công dân kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 6: Thu thẻ Căn cước công dân (nếu có), thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

Bước 7: Nhận kết quả trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân của Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã (nếu đã triển khai) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.
- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp thẻ căn cước tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.
- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.
- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.
- Trường hợp công dân chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an); Giấy tờ pháp lý chứa thông tin công dân.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/05/2024 của Bộ Công an);

6.8. Lệ phí: không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

7. Thủ tục: Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:
 - + Trường hợp người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi thông qua cổng dịch vụ công hoặc ứng dụng định danh quốc gia thì lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của người dưới 06 tuổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì người đại diện hợp pháp xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú xem xét, giải quyết việc cấp thẻ căn cước.
 - + Trường hợp thực hiện trực tiếp tại Công an cấp xã, người đại diện hợp pháp đưa người dưới 14 tuổi đến địa điểm làm thủ tục cấp thẻ căn cước.

(Lưu ý: Lộ trình cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Cán bộ thu nhận đề nghị công dân xuất trình một trong các loại giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thông tin nhân thân và hướng dẫn thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh móng mắt của người từ đủ 06 tuổi đến dưới 14 tuổi.

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước; Phiếu thu thập thông tin dân cư (nếu có) cho người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 5: thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân của Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp thẻ căn cước tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

- Trường hợp công dân chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có: Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an). Giấy tờ, tài liệu chứng minh thông tin công dân.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

7.8. Lệ phí: Miễn phí.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

8. Thủ tục: Cấp đổi thẻ căn cước

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến Công an cấp xã hoặc bộ phận một của cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp đổi thẻ căn cước.

+ Công dân thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú. Hệ thống sẽ xác nhận và tự động chuyển đề nghị của công dân đến cơ quan quản lý căn cước nơi công dân đề nghị cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp người đề nghị cấp đổi thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp đổi thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

+ Trường hợp người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi, cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia thì lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của người dưới 06 tuổi, người yêu cầu cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì người đại diện hợp pháp xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý căn cước xem xét, giải quyết việc cấp đổi thẻ căn cước.

(Lưu ý: Lộ trình cấp đổi thẻ căn cước tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Công dân cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Bước 3: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh do sắp xếp đơn vị hành chính thì Cán bộ thu nhận thì cán bộ thu nhận sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện đổi thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh móng mắt của công dân từ đủ 06 tuổi trở lên trừ trường hợp người yêu cầu cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính.

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 6: Thu thẻ căn cước cũ, thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho công dân (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 7: Nhận kết quả trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp đổi thẻ căn cước.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước thực hiện cấp đổi thẻ căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Khi công dân đủ 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi;
- Thay đổi, cải chính thông tin về họ, chữ đệm, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh;
- Thay đổi nhân dạng; bổ sung thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay; xác định lại giới tính hoặc chuyển đổi giới tính theo quy định của pháp luật;
- Có sai sót về thông tin in trên thẻ căn cước;
- Theo yêu cầu của người được cấp thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính;
- Xác lập lại số định danh cá nhân;
- Khi người được cấp thẻ căn cước có yêu cầu.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

8.8. Lệ phí:

- Cấp đổi thẻ căn cước công dân sang thẻ căn cước theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP: 30.000 đồng/thẻ căn cước; Cấp đổi thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Căn cước: 50.000 đồng/thẻ căn cước. Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thu lệ phí khi công dân nộp hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước bằng 50% mức thu nêu trên theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

9. Thủ tục: Cấp lại thẻ căn cước

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp lại thẻ căn cước hoặc thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp lại thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú nơi công dân đã lựa chọn .

+ Trường hợp người đề nghị cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi;

(Lưu ý: Lộ trình cấp lại thẻ căn cước tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại thẻ căn cước.

- Bước 3:

+ Trường hợp cấp lại thẻ căn cước do bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được thì cán bộ thu nhận sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp lại thẻ căn cước.

+ Trường hợp cấp lại thẻ căn cước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước (Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam), các bước thực hiện như đối với thủ tục cấp mới thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp lại thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh móng mắt của công dân (áp dụng với trường hợp cấp lại thẻ căn cước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước).

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận đối với trường hợp công dân trực tiếp đến thực hiện thủ tục cấp lại tại Công an cấp xã.

- Bước 6: Thu thẻ căn cước cũ (nếu có), thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho công dân (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) (bản giấy hoặc bản điện tử).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã hoặc bộ phận một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thực hiện trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trường hợp người đề nghị cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước thực hiện cấp lại thẻ căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được, trừ trường hợp quy định tại Điều 21 của Luật Căn cước.

- Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

9.8. Lệ phí:

- Cấp lại thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước: 70.000 đồng/thẻ căn cước.

Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thu lệ phí khi công dân nộp hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước bằng 50% mức thu nêu trên theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ

Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

10. Thủ tục: Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến Công an cấp xã trong phạm vi cấp tỉnh không phụ thuộc nơi cư trú để thực hiện thủ tục.

Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch tiến hành kê khai thông tin theo mẫu Phiếu thu thập thông tin dân cư và cung cấp các giấy tờ, tài liệu khác liên quan đến bản thân và gia đình (nếu có).

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tiếp nhận thông tin kê khai của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch và thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh móng mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, móng mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 3: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước; Phiếu thu thập thông tin dân cư chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 4: Công an cấp xã phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh thông tin về người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã kê khai.

- Bước 5: Công an cấp xã chuyển thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch tới cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để kiểm tra, đối sánh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để thực hiện xác lập số định danh cá nhân và cấp giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện thu thập, cập nhật thông tin dân cư, cấp giấy chứng nhận căn cước thì từ thông báo cho người đó và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã trong phạm vi cấp tỉnh không phụ thuộc nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và thứ sáng 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an);

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày (không tính thời gian kiểm tra, xác minh thông tin về người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã kê khai để thu thập thông tin dân cư).

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã trong phạm vi cấp tỉnh không phụ thuộc nơi cư trú.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

10.8. Lệ phí: Không thu lệ phí.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có thời gian sinh sống tại địa bàn từ 06 tháng trở lên.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

11. Thủ tục: Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch

11.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến Công an cấp xã nơi cư trú đề nghị điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.
- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác minh tính pháp lý, tính chính xác của các thông tin trước khi điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Trường hợp từ chối điều chỉnh thông tin thì phải trả lời, nêu rõ lý do và cấp thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 3: Trường hợp đủ điều kiện giải quyết thì cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

11.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Công an cấp xã trong phạm vi cấp tỉnh không phụ thuộc nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết: không quá 05 ngày làm việc.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có nhu cầu điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã nơi cư trú.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

11.8. Lệ phí: Không thu lệ phí.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số

17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

12. Thủ tục: Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước

12.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận căn cước cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(Lưu ý: Lộ trình cấp đổi giấy chứng nhận căn cước tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin người đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh thì đề nghị người đó thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện cấp đổi giấy chứng nhận căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh móng mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, móng mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước; Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (nếu có) chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận;

- Bước 5: Thu giấy chứng nhận căn cước cũ, cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

- Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh so với thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thay đổi thông tin.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Bị hư hỏng không sử dụng được;
- Thay đổi thông tin về căn cước;
- Có sai sót về thông tin trên giấy chứng nhận căn cước;
- Khi người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có yêu cầu;
- Giấy chứng nhận căn cước hết hạn sử dụng.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

12.8. Lệ phí: không thu lệ phí.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

13. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận căn cước

13.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú nơi đang sinh sống đề nghị cấp lại giấy chứng nhận căn cước cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(Lưu ý: Lộ trình cấp lại giấy chứng nhận căn cước tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin người đó trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh thì đề nghị người đó thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh móng mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, móng mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước; Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (nếu có) chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 5: Cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

- Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh so với thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thay đổi thông tin.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước thực hiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước trong trường hợp bị mất giấy chứng nhận căn cước.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

13.8. Lệ phí: không thu lệ phí.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-V03 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục: Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên (Mã số TTHC: 2.000200)

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến địa điểm làm thủ tục cấp thẻ căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố (nếu đã triển khai) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp thẻ căn cước.

+ Công dân thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh. Hệ thống sẽ xác nhận và tự động chuyển đề nghị của công dân đến cơ quan quản lý căn cước nơi công dân đề nghị cấp thẻ căn cước.

(Lưu ý: Lộ trình cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Công dân cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Bước 3: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Cán bộ thu nhận đề nghị công dân xuất trình một trong các loại giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thông tin nhân thân và hướng dẫn thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân đầy đủ, chính xác thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh móng mắt của công dân.

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước, Phiếu thu thập thông tin dân cư (nếu có) chuyển cho công dân kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 6: Thu thẻ Căn cước công dân (nếu có), thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn Trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

Bước 7: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố (nếu đã triển khai) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú. đề nghị cấp thẻ căn cước.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp thẻ căn cước.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Trường hợp công dân chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có Phiếu thu thập thông tin dân cư (mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an); Giấy tờ pháp lý chứa thông tin công dân.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú..

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

1.8. Lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

2. Thủ tục: Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi (Mã TTHC: 1.012549)

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Trường hợp người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi thông qua công dịch vụ công hoặc ứng dụng định danh quốc gia thì lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của người dưới 06 tuổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì người đại diện hợp pháp xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý căn cước của Công

an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú xem xét, giải quyết việc cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh, người đại diện hợp pháp đưa người dưới 14 tuổi đến địa điểm làm thủ tục cấp thẻ căn cước.

(Lưu ý: Lộ trình cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi trở lên tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Cán bộ thu nhận đề nghị công dân xuất trình một trong các loại giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thông tin cá nhân và hướng dẫn thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân đầy đủ, chính xác thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh móng mắt của người từ đủ 06 tuổi đến dưới 14 tuổi.

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước để người đại diện hợp pháp kiểm tra, ký xác nhận; in Phiếu thu thập thông tin dân cư (nếu có) cho người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 5: thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp thẻ căn cước.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

- Trường hợp công dân chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có: Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an). Giấy tờ, tài liệu pháp lý chứa thông tin công dân.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

2.8. Lệ phí: không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin Căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

3. Thủ tục: Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước (Mã thủ tục: 1.012546)

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ đề nghị thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

(Lưu ý: Lộ trình thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về ADN của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị của công dân, cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối sánh và xác thực đảm bảo tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về ADN của công dân chưa có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh thông báo cho công dân bằng văn bản, nêu rõ lý do và hướng dẫn công dân thực hiện thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do bằng Thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả xét nghiệm, phân tích, lưu trữ thông tin sinh trắc học về ADN của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước (nếu có).

- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

3.8. Lệ phí: Chưa quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin sinh trắc học về ADN của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

4. Thủ tục: Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước (Mã thủ tục: 1.012547)

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

(Lưu ý: Lộ trình thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về giọng nói của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị của công dân, cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối sánh và xác thực đảm bảo tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước;

- Trường hợp thông tin giọng nói của công dân chưa có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh thực hiện trực tiếp thu thập thông tin sinh trắc học về giọng nói để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do bằng Thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an).

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả thu nhận, phân tích, lưu trữ giọng nói của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước (nếu có).

- Văn bản cam kết bảo đảm sức khỏe bình thường không ảnh hưởng đến giọng nói đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 7 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.8. Lệ phí: Chưa quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công dân cam kết tình trạng giọng nói bình thường, không bị ảnh hưởng trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

5. Thủ tục: Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước (Mã thủ tục: 1.012548)

5.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ:

- Công dân nộp hồ sơ tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Công dân nộp hồ sơ thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thông tin cần tích hợp, cập nhật, điều chỉnh đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, đồng thời đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện tích hợp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

(Lưu ý: Lộ trình tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Chuyển yêu cầu tích hợp đến cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an kèm theo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước (Đối với trường hợp tích hợp thông tin trên thẻ căn cước khi thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước);

- Trường hợp thông tin đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thì cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh thực hiện tiếp nhận và chuyển yêu cầu tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin tới cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để xác thực thông tin đề nghị tích hợp thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Sau khi xác thực thành công thì thực hiện tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin vào thẻ căn cước.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do bằng Thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an).

- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục (đối với trường hợp tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước đã cấp).

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an) đối với trường hợp tích hợp thông tin trên thẻ căn cước khi thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.

5.8. Lệ phí: Chưa quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an);

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) đối với trường hợp thực hiện tích hợp cùng thời điểm với cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh phải được xác thực qua Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

6. Thủ tục: Cấp đổi thẻ căn cước (Mã thủ tục: 2.001195)

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp đổi thẻ căn cước.

+ Công dân nộp hồ sơ thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh. Hệ thống sẽ xác nhận và tự động chuyển đề nghị của công dân đến cơ quan quản lý căn cước nơi công dân đề nghị cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

+ Trường hợp người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia thì lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của người dưới 06 tuổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì người đại diện hợp pháp xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý căn cước xem xét, giải quyết việc cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân có yêu cầu cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính qua thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp đổi thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

(Lưu ý: Lộ trình cấp đổi thẻ căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Công dân cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Bước 3: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính thì cán bộ thu nhận sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện đổi thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh móng mắt của công dân từ đủ 06 tuổi trở lên trừ trường hợp cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính.

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận; in Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (nếu có) cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 6: Thu thẻ căn cước cũ, thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) cho công dân.

- Bước 7: Công dân nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp đổi thẻ căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trường hợp người đề nghị cấp đổi thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp đổi thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước thực hiện cấp đổi thẻ căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Khi công dân đủ 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi.

- Thay đổi, cải chính thông tin về họ, chữ đệm, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh;

- Thay đổi nhân dạng; bổ sung thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay; xác định lại giới tính hoặc chuyển đổi giới tính theo quy định của pháp luật;

- Có sai sót về thông tin in trên thẻ căn cước;

- Theo yêu cầu của người được cấp thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính;

- Xác lập lại số định danh cá nhân;
- Khi người được cấp thẻ căn cước có yêu cầu.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

6.8. Lệ phí:

- Cấp đổi thẻ căn cước công dân sang thẻ căn cước theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP: 30.000 đồng/thẻ căn cước; Cấp đổi thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Căn cước: 50.000 đồng/thẻ căn cước. Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thu lệ phí khi công dân nộp hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước bằng 50% mức thu nêu trên theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm

2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

7. Thủ tục: Cấp lại thẻ căn cước (Mã thủ tục: 2.001194)

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh đề nghị cấp lại thẻ căn cước hoặc thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp lại thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

+ Trường hợp người đề nghị cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

(Lưu ý: Lộ trình cấp lại thẻ căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại thẻ căn cước.

- Bước 3:

+ Trường hợp cấp lại thẻ căn cước do bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được thì cán bộ thu nhận sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp lại thẻ căn cước.

+ Trường hợp cấp lại thẻ căn cước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước (Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam), các bước thực hiện như đối với thủ tục cấp mới thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp lại thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước

(Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh móng mắt của công dân (áp dụng với trường hợp cấp lại thẻ căn cước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước).

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận đối với trường hợp công dân trực tiếp đến thực hiện thủ tục cấp lại tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

- Bước 6: Thu thẻ căn cước cũ (nếu có), thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) cho công dân (bản giấy hoặc bản điện tử).

- Bước 7: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thực hiện trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước thực hiện cấp lại thẻ căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được, trừ trường hợp quy định tại Điều 21 của Luật Căn cước;
- Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố).

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

7.8. Lệ phí:

- Cấp lại thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước: 70.000 đồng/thẻ căn cước.

Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thu lệ phí khi công dân nộp hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước bằng 50% mức thu nêu trên theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

8. Thủ tục: Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước (Mã thủ tục: 1.012550)

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận căn cước cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(Lưu ý: Lộ trình cấp đổi giấy chứng nhận căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin người đó trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh thì đề nghị người đó thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện cấp đổi giấy chứng nhận căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, móng mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, móng mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận;

- Bước 5: Thu giấy chứng nhận căn cước cũ, cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch.

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Bị hư hỏng không sử dụng được;
- Thay đổi thông tin về căn cước;
- Có sai sót về thông tin trên giấy chứng nhận căn cước;
- Khi người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có yêu cầu;
- Giấy chứng nhận căn cước hết hạn sử dụng.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

8.8. Lệ phí: Không thu lệ phí.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

9. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận căn cước (Mã thủ tục: 1.012551)

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp lại giấy chứng nhận căn cước cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

(Lưu ý: Lộ trình cấp lại giấy chứng nhận căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin người đó trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh thì đề nghị người đó thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, móng mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay ảnh khuôn mặt, móng mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận;

- Bước 5: Cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước thực hiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước trong trường hợp bị mất giấy chứng nhận căn cước.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

9.8. Lệ phí: Không thu lệ phí.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.
- Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

C. CÁC MẪU ĐƠN, MẪU TỜ KHAI

1. Phiếu thu nhận thông tin căn cước (ký hiệu là CC01) .
2. Giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (ký hiệu là CC02).
3. Thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (ký hiệu là CC03).
4. Giấy xác nhận số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân (ký hiệu là CC04).
5. Phiếu thu thập thông tin dân cư (ký hiệu là DC01).
6. Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (ký hiệu là DC02).
7. Phiếu cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước (ký hiệu là DC03).

Các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025.

PHỤ LỤC II:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Các thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ
trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của
Công an tỉnh Lạng Sơn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5570/QĐ-CAT-PC06
Ngày 11/7/2025 của Công an tỉnh Lạng Sơn)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính mới ban hành	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
A. Thủ tục hành chính cấp xã				
1	Cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an xã, phường (viết gọn là Công an cấp xã)	Định danh và xác thực điện tử

2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Định danh và xác thực điện tử
2	Khóa tài khoản định danh điện tử	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Định danh và xác thực điện tử
3	Mở khóa tài khoản định danh điện tử	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Định danh và xác thực điện tử
4	Khóa căn cước điện tử	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và	Phòng Cảnh sát quản lý	Định danh và xác thực điện tử

		xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	hành chính về trật tự xã hội	
5	Mở khóa căn cước điện tử	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Định danh và xác thực điện tử

B. Thủ tục hành chính cấp xã

1	Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	Định danh và xác thực điện tử	Công an cấp xã
2	Khóa tài khoản định danh điện tử	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	Định danh và xác thực điện tử	Công an cấp xã
3	Mở khóa tài khoản định danh điện tử	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	Định danh và xác thực điện tử	Công an cấp xã
4	Khóa căn cước điện tử	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	Định danh và xác thực điện tử	Công an cấp xã
5	Mở khóa căn cước điện tử	- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	Định danh và xác thực điện tử	Công an cấp xã

3. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
A. Thủ tục hành chính cấp huyện				
1	Cấp tài khoản định danh điện tử	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định	Công an cấp huyện	Định danh và xác thực điện tử

	mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam	đanh và xác thực điện tử.		
2	Cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.	Công an cấp huyện	Định danh và xác thực điện tử
3	Khóa tài khoản định danh điện tử	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.	Công an cấp huyện	Định danh và xác thực điện tử
4	Mở khóa tài khoản định danh điện tử	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.	Công an cấp huyện	Định danh và xác thực điện tử
5	Khóa căn cước điện tử	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.	Công an cấp huyện	Định danh và xác thực điện tử
6	Mở khóa căn cước điện tử	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.	Công an cấp huyện	Định danh và xác thực điện tử

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I. Thủ tục hành chính cấp xã

1. Thủ tục: Cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ

(1) Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, hoặc người được người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu ủy quyền sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của mình đăng nhập Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID), cung cấp các thông tin theo hướng dẫn và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức sau khi được sự đồng ý của toàn bộ người đại diện theo pháp luật khác của tổ chức (nếu có).

(2) Trường hợp người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc người được ủy quyền trực tiếp nộp hồ sơ tại Công an cấp xã thì thực hiện kê khai Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử dùng cho cơ quan, tổ chức (mẫu TK02 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử) cho cán bộ tiếp nhận.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử của cơ quan, tổ chức gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử của cơ quan, tổ chức cho cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử.

Bước 3. Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử tiến hành kiểm tra, xác thực thông tin về cơ quan, tổ chức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Trường hợp thông tin về cơ quan, tổ chức chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì thông báo cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ biết và thực hiện xác minh thông tin về cơ quan, tổ chức. Kết quả xác minh đề nghị thông báo lại cho cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử biết để quyết định việc cấp, không cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức.

Bước 4. Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo kết quả đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử cho người thực hiện đăng ký qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc số thuê bao di động chính chủ hoặc địa chỉ thư điện tử.

Trường hợp không đủ điều kiện cấp tài khoản định danh điện tử thì Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo bằng văn bản, tin nhắn hoặc qua tài khoản định danh điện tử của người thực hiện đăng ký.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã;
- Qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);
- Qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử dùng cho cơ quan, tổ chức (mẫu TK02 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 03 ngày làm việc với trường hợp thông tin cần xác thực về tổ chức đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành;
- Không quá 15 ngày với trường hợp thông tin cần xác minh về tổ chức không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Công an cấp xã.
- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo kết quả đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử cho người thực hiện đăng ký qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc số thuê bao di động chính chủ hoặc địa chỉ thư điện tử.

Trường hợp không đủ điều kiện cấp tài khoản định danh điện tử thì Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo bằng văn bản, tin nhắn hoặc qua tài khoản định danh điện tử của người thực hiện đăng ký.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử dùng cho cơ quan, tổ chức (mẫu TK02 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử). Phiếu này là biểu mẫu dưới dạng điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an về việc phân cấp thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến khi không tổ chức Công an cấp huyện.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Đối với công dân đã được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, thẻ căn cước.

Bước 1: Công dân đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2, căn cước điện tử.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 2: Công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, thẻ căn cước còn hiệu lực và cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin trên Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử (mẫu TK01 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử); trong đó cung cấp rõ số thuê bao di động chính chủ, địa chỉ thư điện tử của công dân (nếu có) và thông tin khác đề nghị tích hợp vào căn cước điện tử (nếu có nhu cầu) cho cán bộ tiếp nhận.

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận nhập thông tin công dân cung cấp vào hệ thống định danh và xác thực điện tử để xác thực; xác thực ảnh khuôn mặt, vân tay của công dân đến làm thủ tục với Cơ sở dữ liệu căn cước và khẳng định sự đồng ý đăng ký tạo lập tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử; in phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.

Bước 4. Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử tiến hành kiểm tra, xác thực thông tin công dân đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử và thông báo kết quả đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử

mức độ 02, căn cước điện tử qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc số thuê bao di động chính chủ hoặc địa chỉ thư điện tử.

b) Đối với công dân chưa được cấp thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử, thẻ căn cước: Cơ quan Công an tiến hành cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2, căn cước điện tử cùng với thủ tục cấp thẻ căn cước.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

1.2. Cách thức thực hiện:

Công dân trực tiếp đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để thực hiện cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, thẻ căn cước còn hiệu lực và cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin trên Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử (mẫu TK01 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử); trong đó cung cấp rõ số thuê bao di động chính chủ, địa chỉ thư điện tử của công dân (nếu có) và thông tin khác đề nghị tích hợp vào căn cước điện tử (nếu có nhu cầu).

- Trường hợp công dân chưa được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, thẻ căn cước: công dân chuẩn bị hồ sơ và thực hiện đồng thời thủ tục “cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam” cùng với thủ tục cấp thẻ căn cước.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Không quá 03 ngày làm việc với trường hợp công dân có thẻ căn cước công dân gắn chip, thẻ căn cước còn hiệu lực; không quá 07 ngày làm việc với trường hợp công dân chưa có thẻ Căn cước công dân gắn chip, thẻ căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân gắn chip, thẻ căn cước đã hết hiệu lực.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc số thuê bao di động chính chủ hoặc địa chỉ thư điện tử.

1.8. *Phí, lệ phí:* Không.

1.9. *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử (mẫu TK01 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

1.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

Người dưới 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện cùng người đại diện hoặc người giám hộ của mình đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử.

Người đại diện, người giám hộ sử dụng số thuê bao di động chính chủ của mình để kê khai, đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam là người dưới 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện.

1.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Khóa tài khoản định danh điện tử

2.1. *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử theo mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử tới Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để tiếp nhận, xử lý.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện việc khóa tài khoản định danh điện tử tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố chuyển đến, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt

đối với trường hợp yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử và thông báo tới cơ quan đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử và chủ thể bị khóa tài khoản. Trường hợp từ chối khóa tài khoản định danh điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú;
- Qua dịch vụ bưu chính (nếu có);

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh.
- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả tới cơ quan đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử và chủ thể bị khóa tài khoản. Trường hợp từ chối khóa tài khoản định danh điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

3. Mở khóa tài khoản định danh điện tử

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử) tới Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để tiếp nhận, xử lý.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện việc mở khóa tài khoản định danh điện tử tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố chuyển đến, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu mở khóa tài khoản định danh điện tử và thông báo tới cơ quan đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử và chủ thể tài khoản định danh điện tử. Trường hợp từ chối mở khóa tài khoản định danh điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú;
- Qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

3.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả tới cơ quan đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử và chủ thẻ bị khóa tài khoản. Trường hợp từ chối mở khóa tài khoản định danh điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

4. Khóa căn cước điện tử

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Người được cấp căn cước điện tử thực hiện yêu cầu khóa căn cước điện tử trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú hoặc thông qua Ứng dụng định danh quốc gia theo Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử). Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm ghi nhận, kiểm tra, xác thực và khóa căn cước điện tử ngay sau khi nhận được yêu cầu khóa căn cước điện tử của công dân trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện việc khóa căn cước điện tử tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

b) Khóa căn cước điện tử theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền

Bước 1: Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị khóa căn cước điện tử đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã

hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để tiếp nhận, xử lý.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện việc khóa căn cước điện tử tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị khóa căn cước điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị khóa căn cước điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu khóa căn cước điện tử và thông báo tới cơ quan đề nghị khóa căn cước điện tử và công dân. Trường hợp từ chối khóa căn cước điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú;
- Thông qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đối với trường hợp công dân đề nghị khóa căn cước điện tử của mình;
- Qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm ghi nhận, kiểm tra, xác thực và khóa căn cước điện tử ngay sau khi nhận được yêu cầu khóa căn cước điện tử của công dân trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc đối với trường hợp khóa căn cước điện tử theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Công dân có căn cước điện tử;
- Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố.

- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả tới cơ quan đề nghị khóa căn cước điện tử và chủ thể bị khóa căn cước điện tử. Trường hợp từ chối khóa căn cước điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử). Phiếu này là biểu mẫu dưới dạng điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

5. Mở khóa căn cước điện tử

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Người bị khóa căn cước điện tử thực hiện yêu cầu mở khóa căn cước điện tử trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú hoặc thông qua Ứng dụng định danh quốc gia theo Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử). Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm ghi nhận, kiểm tra, xác thực và mở khóa căn cước điện tử ngay sau khi nhận được yêu cầu mở khóa căn cước điện tử của công dân trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện việc mở khóa căn cước điện tử tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

b) Mở khóa căn cước điện tử theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền

Bước 1: Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị mở khóa căn cước điện tử đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để tiếp nhận, xử lý.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện việc mở khóa căn cước điện tử tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị mở khóa căn cước điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị mở khóa căn cước điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu mở khóa căn cước điện tử và thông báo tới cơ quan đề nghị mở khóa căn cước điện tử và chủ thể được mở khóa căn cước điện tử. Trường hợp từ chối mở khóa căn cước điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú;
- Thông qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đối với trường hợp công dân đề nghị mở khóa căn cước điện tử của mình;
- Qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm ghi nhận, kiểm tra, xác thực và mở khóa căn cước điện tử ngay sau khi nhận được yêu cầu mở khóa căn cước điện tử của công dân trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc đối với trường hợp mở khóa căn cước điện tử theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Công dân đang bị khóa căn cước điện tử.

- Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả tới cơ quan đề nghị mở khóa căn cước điện tử và chủ thể được mở khóa căn cước điện tử. Trường hợp từ chối mở khóa căn cước điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử). Phiếu này là biểu mẫu dưới dạng điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

B. Thủ tục hành chính cấp xã

1. Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam

1.1. Trình tự thực hiện:

- a) Đối với công dân đã được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, thẻ căn cước.

Bước 1: Công dân Việt Nam đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2, căn cước điện tử.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an).

Bước 2: Công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, thẻ căn cước còn hiệu lực và cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin trên Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử (mẫu TK01 ban hành kèm theo Nghị định số

69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử); trong đó cung cấp rõ số thuê bao di động chính chủ, địa chỉ thư điện tử của công dân (nếu có) và thông tin khác đề nghị tích hợp vào căn cước điện tử (nếu có nhu cầu) cho cán bộ tiếp nhận.

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận nhập thông tin công dân cung cấp vào hệ thống định danh và xác thực điện tử để xác thực; xác thực ảnh khuôn mặt, vân tay của công dân đến làm thủ tục với Cơ sở dữ liệu căn cước và khẳng định sự đồng ý đăng ký tạo lập tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử.

Bước 4. Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử tiến hành kiểm tra, xác thực thông tin công dân đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử và thông báo kết quả đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc số thuê bao di động chính chủ hoặc địa chỉ thư điện tử.

b) Đối với công dân chưa được cấp thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử, thẻ căn cước: Cơ quan Công an tiến hành cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2, căn cước điện tử cùng với thủ tục cấp thẻ căn cước.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

1.2. Cách thức thực hiện:

Công dân trực tiếp đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để thực hiện cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, thẻ căn cước còn hiệu lực và cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin trên Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử (mẫu TK01 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử); trong đó cung cấp rõ số thuê bao di động chính chủ, địa chỉ thư điện tử của công dân (nếu có) và thông tin khác đề nghị tích hợp vào căn cước điện tử (nếu có nhu cầu).

- Trường hợp công dân chưa được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, thẻ căn cước: công dân chuẩn bị hồ sơ và thực hiện đồng thời thủ tục “cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam” cùng với thủ tục cấp thẻ căn cước.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 03 ngày làm việc với trường hợp công dân có thẻ căn cước công dân gắn chip, thẻ căn cước còn hiệu lực.

- Không quá 07 ngày làm việc với trường hợp công dân chưa có thẻ Căn cước công dân gắn chip, thẻ căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân gắn chip, thẻ căn cước đã hết hiệu lực.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Công an cấp xã.
- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc sổ thuê bao di động chính chủ hoặc địa chỉ thư điện tử.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử (mẫu TK01 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người dưới 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện cùng người đại diện hoặc người giám hộ của mình đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử.

Người đại diện, người giám hộ sử dụng sổ thuê bao di động chính chủ của mình để kê khai, đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam là người dưới 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Khóa tài khoản định danh điện tử

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định

danh và xác thực điện tử) tới Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để tiếp nhận, xử lý.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện khóa tài khoản định danh điện tử tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử, Công an cấp xã nơi tiếp nhận đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử;

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Công an cấp xã chuyển đến, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử và thông báo tới cơ quan đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử và chủ thể bị khóa tài khoản. Trường hợp từ chối khóa tài khoản định danh điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú;

- Qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Công an cấp xã.

- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả tới cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử và chủ thể bị khóa tài khoản. Trường hợp từ chối khóa tài khoản định danh điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. *Phí, lệ phí*: Không.

2.9. *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

2.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Không.

2.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

3. Mở khóa tài khoản định danh điện tử

3.1. *Trình tự thực hiện*:

Bước 1: Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi Phiếu đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử theo Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử) tới Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để tiếp nhận, xử lý.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện mở khóa tài khoản định danh điện tử tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử, Công an cấp xã nơi tiếp nhận đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử;

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Công an cấp xã chuyển đến, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu mở khóa tài khoản định danh điện tử và thông báo tới cơ quan đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử và chủ thể tài khoản định danh điện tử. Trường hợp từ chối mở khóa tài khoản định danh điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.2. *Cách thức thực hiện*:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú;

- Qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

3.3. *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

3.4. *Thời hạn giải quyết*: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

3.5. *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:

Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

3.6. *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính*:

- Cơ quan thực hiện: Công an cấp xã.

- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

3.7. *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*:

Thông báo kết quả tới cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử và chủ thể tài khoản định danh điện tử. Trường hợp từ chối mở khóa tài khoản định danh điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.8. *Phí, lệ phí*: Không.

3.9. *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

3.10. *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Không.

3.11. *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

4. Khóa căn cước điện tử

4.1. *Trình tự thực hiện*:

a) Người được cấp căn cước điện tử thực hiện yêu cầu khóa căn cước điện tử trực tiếp tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú hoặc thông qua Ứng dụng định danh quốc gia theo Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử). Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm ghi nhận, kiểm tra, xác thực và khóa căn cước điện tử ngay sau khi nhận được yêu cầu khóa căn cước điện tử của công dân trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện khóa căn cước điện tử tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

b) Khóa căn cước điện tử theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền

Bước 1: Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị khóa căn cước điện tử đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để tiếp nhận, xử lý.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện khóa căn cước điện tử tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị khóa căn cước điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền, Công an cấp xã nơi tiếp nhận đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị khóa căn cước điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Công an cấp xã, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu khóa căn cước điện tử và thông báo tới cơ quan đề nghị khóa căn cước điện tử và công dân. Trường hợp từ chối khóa căn cước điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú;
- Thông qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đối với trường hợp công dân đề nghị khóa căn cước điện tử của mình;
- Qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm ghi nhận, kiểm tra, xác thực và khóa căn cước điện tử ngay sau khi nhận được yêu cầu khóa căn cước điện tử của công dân trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc đối với trường hợp khóa căn cước điện tử theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Công dân có căn cước điện tử;
- Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Công an cấp xã.
- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả tới cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền đề nghị khóa căn cước điện tử và chủ thể bị khóa căn cước điện tử. Trường hợp từ chối khóa căn cước điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử). Phiếu này là biểu mẫu dưới dạng điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

5. Mở khóa căn cước điện tử

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Người bị khóa căn cước điện tử thực hiện yêu cầu mở khóa căn cước điện tử trực tiếp tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú hoặc thông qua Ứng dụng định danh quốc gia theo Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử). Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm ghi nhận, kiểm tra, xác thực và mở khóa căn cước điện tử ngay sau khi nhận được yêu cầu mở khóa căn cước điện tử của công dân trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện mở khóa căn cước điện tử tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

b) Mở khóa căn cước điện tử theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền:

Bước 1: Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị mở khóa căn cước điện tử đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú để tiếp nhận, xử lý.

(Lưu ý: Lộ trình thực hiện mở khóa căn cước điện tử tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú thực hiện theo thông báo của Bộ Công an)

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị mở khóa căn cước điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền, Công an cấp xã nơi tiếp nhận đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị mở khóa căn cước điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Công an cấp xã, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu mở khóa căn cước điện tử và thông báo tới cơ quan đề nghị mở khóa căn cước điện tử và chủ thể được mở khóa căn cước điện tử. Trường hợp từ chối mở khóa căn cước điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú;
- Thông qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đối với trường hợp công dân đề nghị mở khóa căn cước điện tử của mình;
- Qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử).

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm ghi nhận, kiểm tra, xác thực và mở khóa căn cước điện tử ngay sau khi nhận được yêu cầu mở khóa căn cước điện tử của công dân trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc đối với trường hợp mở khóa căn cước điện tử theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Công dân đang bị khóa căn cước điện tử.

- Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Công an cấp xã.
- Cơ quan có thẩm quyền: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả tới cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền đề nghị mở khóa căn cước điện tử và chủ thể được mở khóa căn cước điện tử. Trường hợp từ chối mở khóa căn cước điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử theo mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử. Phiếu này là biểu mẫu dưới dạng điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

C. CÁC BIỂU MẪU, TỜ KHAI

1. Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (dùng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài) (mẫu TK01 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử).
2. Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử (dùng cho cơ quan, tổ chức) (mẫu TK02 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử).
3. Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử (mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử).
4. Tờ khai đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử (mẫu XT01 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử).
5. Tờ khai đề nghị cấp lại/thay đổi giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử (mẫu XT02 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử).
6. Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử (mẫu XT03 ban hành kèm theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐỀ NGHỊ
Cấp tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử
(Dùng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài)
APPLICATION FORM FOR ELECTRONIC IDENTITY ACCOUNT
(Used for Vietnamese citizens and foreigners)

A. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ THE APPLICANT:

1. Họ, chữ đệm và tên (viết chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
2. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:...
Personal Identification Number/Passport or International Travel Document number
3. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....
Date of birth
4. Số điện thoại:.....
Telephone Number
5. Email:

B. ĐĂNG KÝ TÍCH HỢP THÔNG TIN LÊN TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

REGISTER TO INTEGRATE INFORMATION INTO ELECTRONIC IDENTITY ACCOUNT

(Ghi đầy đủ thông tin: (1) Tên loại giấy tờ đề nghị tích hợp; (2) Ghi cụ thể các thông tin trong giấy tờ cần tích hợp. Ví dụ: 1) Giấy phép lái xe (Số giấy phép lái xe; Hạng; Ngày, tháng, năm cấp; Đơn vị cấp; Có giá trị đến)

(Fill in all the following information: (1) Name of document type requested for integration; (2) Specify the information in the documents that need to be integrated. For example: 1) Driver's license (Driver's licence number; Class; Date, month, year of issue; Issuing authority; Date of Expiry)

1.
2.
3.
4.

5.

C. ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ CHO NGƯỜI DƯỚI 14 TUỔI, NGƯỜI ĐƯỢC ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐƯỢC GIÁM HỘ

REGISTER AN ELECTRONIC IDENTITY ACCOUNT FOR PEOPLE UNDER 14 YEARS OLD, REPRESENTED PERSON, THE WARD

1. Thông tin người dưới 14 tuổi, người được đại diện, người được giám hộ
Information for people under 14 years old, represented person, the ward

1.1. Họ, chữ đệm và tên (viết chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)

1.2. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế:
Personal Identification Number/Passport or International Travel Document number

1.3. Ngày, tháng, năm sinh:
Date of birth

1.4. Mối quan hệ với người đề nghị:.....
Relationship with the applicant

D. CAM KẾT CỦA NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

COMMITMENT OF THE APPLICANT

1. Tôi cam kết rằng những thông tin được khai trong đơn này là đúng sự thật, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đúng sự thật của các giấy tờ đã cung cấp.

I commit that the information provided in this application is true, and I take full responsibility before the law for the accuracy and truthfulness of the documents provided.

2. Tôi đồng ý sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử, cam kết chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tài khoản theo đúng quy định của pháp luật.

I agree to use electronic identification and authentication services and commit to be responsible in managing and using the account in accordance with the law.

Cán bộ tiếp nhận
Receiving officer
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Sign and write full name

Người đề nghị
The applicant
(Ký, ghi rõ họ và tên)
Sign and write full name

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐỀ NGHỊ
Cấp tài khoản định danh điện tử
(Dùng cho cơ quan, tổ chức)

A. THÔNG TIN NGƯỜI ĐĂNG KÝ

1. Họ, chữ đệm và tên:
2. Số định danh cá nhân/CCCD:
3. Quốc tịch: ☐ Việt Nam; Quốc tịch khác:

B. THÔNG TIN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

1. Tên tiếng Việt của cơ quan, tổ chức:
2. Tên viết tắt:
3. Tên tiếng Anh:
4. Ngày, tháng, năm thành lập:
5. Địa chỉ trụ sở chính:
6. Lĩnh vực hoạt động:
7. Mã số tổ chức/doanh nghiệp:
8. Lĩnh vực kinh doanh:
9. Ngành nghề kinh doanh:
10. Mã số thuế tổ chức (nếu có):
11. Họ, chữ đệm và tên của người đại diện cơ quan, tổ chức:.....
.....
12. Số định danh cá nhân/CCCD của người đại diện cơ quan, tổ chức:
.....
13. Quốc tịch của người đại diện cơ quan, tổ chức: ☐ Việt Nam; Quốc tịch khác:

C. CAM KẾT CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Tôi cam kết rằng những thông tin được khai trong đơn này là đúng sự thật, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đúng sự thật của các giấy tờ đã cung cấp.

Cán bộ tiếp nhận
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người đăng ký
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

Khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử

Kính gửi ⁽¹⁾:

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ:

1. Họ, chữ đệm và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....
3. Giới tính (Nam/nữ):.....
4. Nơi cư trú:

5. Số ĐDCN:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nội dung đề nghị:

- Khóa tài khoản định danh điện tử:

--
- Mở khóa tài khoản định danh điện tử:

--
- Khóa căn cước điện tử:

--
- Mở khóa căn cước điện tử:

--

II. THÔNG TIN TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ, CĂN CƯỚC ĐIỆN TỬ ĐỀ NGHỊ KHÓA, MỞ KHÓA

A. Thông tin đối với cá nhân

1. Họ, chữ đệm và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....
3. Giới tính (Nam/nữ):.....
4. Nơi cư trú:.....

5. Số ĐDCN:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

B. Thông tin cơ quan, tổ chức

1. Tên cơ quan, tổ chức:
2. Ngày, tháng, năm thành lập:

3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Lĩnh vực hoạt động:
5. Mã số thuế (nếu có):
6. Mã số doanh nghiệp (nếu có):
7. Thông tin người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức:
- Họ, chữ đệm và tên:
- Số định danh cá nhân:
- Lý do đề nghị:
-
-

Tôi xin cam đoan những thông tin kê khai trên là đúng sự thật.

Đề nghị ⁽¹⁾: xem xét, giải quyết.

..., ngày.....tháng...năm...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi tên cơ quan Công an nơi tiếp nhận đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử

Kính gửi: Bộ Công an.

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

.....⁽¹⁾ đề nghị Bộ Công an cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử với các nội dung sau:

I. Thông tin về tổ chức đề nghị cấp giấy xác nhận

1. Tên giao dịch tiếng Việt:.....
2. Tên viết tắt tiếng Việt:.....
3. Tên giao dịch tiếng Anh:.....
4. Tên viết tắt tiếng Anh:.....
5. Giấy phép đăng ký doanh nghiệp/quyết định thành lập số: ; cấp ngày ... tháng ... năm; cơ quan cấp:.....
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại:.....
8. Fax:
9. E-mail:
10. Website:
11. Tên và địa chỉ liên hệ của người đại diện theo pháp luật:

II. Hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

.....⁽¹⁾ cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC

(Chữ ký/chữ ký số của người đại diện theo pháp luật, dấu/chữ ký số của tổ chức)

⁽¹⁾ Tên tổ chức đề nghị cấp giấy.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ
Cấp lại/thay đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh
dịch vụ xác thực điện tử

Kính gửi: Bộ Công an.

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử số.../GCN-BCA ngày .../.../..... của Bộ Công an.

.....⁽¹⁾ đề nghị Bộ Công an cấp lại/thay đổi giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử với các nội dung sau:

1. Thông tin về tổ chức đề nghị cấp lại/thay đổi giấy xác nhận

Tên giao dịch tiếng Việt:.....

Tên viết tắt tiếng Việt:.....

Tên giao dịch tiếng Anh:.....

Tên viết tắt tiếng Anh:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:

E-mail:Website:

Tên và địa chỉ liên hệ của người đại diện theo pháp luật:

.....

2. Lý do cấp lại/thay đổi Giấy xác nhận:

.....

3. Nội dung thay đổi giấy xác nhận:

.....

.....

4.⁽¹⁾ cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC

(Chữ ký/chữ ký số của người đại diện theo pháp luật, dấu/chữ ký số của tổ chức)

⁽¹⁾ Tên tổ chức đề nghị.

BỘ CÔNG AN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng ... năm

**GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử ngày ... tháng ... năm ... của⁽¹⁾;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

CHỨNG NHẬN

Điều 1.⁽¹⁾ đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử có thông tin như sau:

1. Tên giao dịch của doanh nghiệp bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài:
2. Họ và tên người đại diện theo pháp luật
3. Giấy phép đăng ký doanh nghiệp/quyết định thành lập số:
cấp ngày ... tháng ... năm ; cơ quan cấp:.....
4. Mã số thuế:.....
5. Địa chỉ trụ sở chính tại Việt Nam:
6. Số điện thoại:.....
7. E-mail:

Điều 2.⁽¹⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử này có hiệu lực kể từ ngày ký.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

⁽¹⁾ Tên tổ chức được cấp giấy.

BỘ CÔNG AN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-BCA

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện
kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN***Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;**Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử có thông tin như sau:

1. Số giấy xác nhận:, cấp ngày tháng..... năm.....
2. Tên tổ chức:
3. Họ và tên người đại diện theo pháp luật
4. Mã số thuế:.....
5. Địa chỉ trụ sở chính tại Việt Nam:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.** Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, C06.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BCA

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Về hoạt động cung cấp dịch vụ xác thực điện tử

Kính gửi: Bộ Công an.

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

.....⁽¹⁾ báo cáo Bộ Công an về hoạt động cung cấp dịch vụ xác thực điện tử như sau:

1. Nội dung dịch vụ được cung cấp:

2. Kết quả hoạt động cung cấp dịch vụ xác thực điện tử trong thời gian từ ngày .../.../..... đến ... ngày .../.../..... (Về thị trường khách hàng, sự cố xảy ra; hoạt động bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân ...)

.....
.....
.....
.....
.....

3. Hồ sơ liên quan

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

4.⁽¹⁾ cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC
(Chữ ký/chữ ký số của người đại diện theo pháp luật, dấu/chữ ký số của tổ chức)

(1) Tên tổ chức thực hiện báo cáo.